

**Phụ lục VI**  
**Appendix VI**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)*  
*(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)*

**CTY CP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**  
**DO THANH TECHNOLOGY**  
**CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Số: 24/2026/HĐQT  
No: 24/2026/HĐQT

TP.HCM, ngày 15 tháng 07 năm 2026  
TP.HCM, day 15 month 07 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**  
**To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**  
**DO THANH TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: DTT
- Địa chỉ/Address: 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường An Đông, Tp.HCM, VN  
59-65 Huynh Man Dat, An Dong Ward, HCMC, VN
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 028.39236238 Fax: 028.39235360
- E-mail: van.le@dothanhtech.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026.  
**Corporate Governance Report for the First Half of 2026.**



(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/07/2026 tại đường dẫn : [www.dothanhtech.com](http://www.dothanhtech.com)/This information was published on the company's website on 15/07/2026 (date), as in the link [www.dothanhtech.com](http://www.dothanhtech.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/Documents on disclosed information.

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/ Person authorized to disclose information*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Nguyễn Băng Tâm



**Phụ lục V**  
**Appendix V**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ**  
**ĐÔ THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2026/BC-HĐQT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 07 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**(6 tháng đầu Năm 2026)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH
- Địa chỉ trụ sở chính: 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường An Đông, TpHCM
- Điện thoại: 028.39236238 Fax: 028.39235360 Email: info@dothanhtech.com
- Vốn điều lệ: 81.518.200.000 VNĐ
- Mã chứng khoán: DTT
- Mô hình quản trị công ty:
  - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc.
  - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**



Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|--------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Nghị quyết ĐHĐCĐ         | 05/06/2026 | <p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thông qua các báo cáo như sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2025</li> <li>- Định hướng Kế hoạch SXKD năm 2026</li> <li>- Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2021-2025</li> <li>- Thông qua báo cáo của ban kiểm soát năm 2025</li> <li>- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025</li> <li>- Thông qua tờ trình về việc uỷ quyền cho HĐQT chọn công ty kiểm toán cho năm 2026</li> <li>- Tờ trình về việc dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025. Thù lao HĐQT – BKS năm 2025.</li> <li>- Tờ trình về cơ cấu, số lượng nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2030</li> </ul> |

## II. Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2026 :

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập |                    |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                 |                                                           | Ngày<br>bỏ<br>nhiệm                                     | Ngày miễn<br>nhiệm |
|     |                 |                                                           |                                                         |                    |

|   |                      |                                      |           |            |
|---|----------------------|--------------------------------------|-----------|------------|
|   |                      |                                      |           |            |
| 1 | Ông Nguyễn Bằng Tâm  | Chủ tịch HĐQT<br>( TV HĐQT độc lập ) | 08/6/2026 |            |
| 2 | Ông Lê Quang Hiệp    | Thành viên<br>( TV HĐQT điều hành )  | 08/6/2026 | 05/06/2026 |
| 3 | Ông Trương Phú Chiến | Thành viên<br>( TV HĐQT độc lập )    | 08/6/2026 |            |
| 4 | Ông Lê Công Nghiệp   | Phó CTHĐQT<br>( TV HĐQT điều hành )  | 08/6/2026 |            |
| 5 | Ông Tôn Chương Dương | Thành viên<br>( TV HĐQT độc lập )    | 08/6/2026 |            |

2. Các cuộc họp HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT      | Số buổi họp<br>HĐQT tham dự/ | Tỷ lệ tham dự<br>họp | Lý do không<br>tham dự họp |
|-----|----------------------|------------------------------|----------------------|----------------------------|
| 1   | Ông Lê Quang Hiệp    | 3/3                          | 100%                 |                            |
| 2   | Ông Nguyễn Bằng Tâm  | 3/3                          | 100%                 |                            |
| 3   | Ông Trương Phú Chiến | 3/3                          | 100%                 |                            |
| 4   | Ông Lê Công Nghiệp   | 3/3                          | 100%                 |                            |
| 5   | Ông Tôn Chương Dương | 3/3                          | 100%                 |                            |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban điều hành công ty luôn thường xuyên, liên tục. HĐQT tập trung giám sát việc tuân thủ chấp hành luật doanh nghiệp, điều lệ công ty, quy chế quản trị công ty, các nghị quyết chủ trương của hội đồng quản trị đối với các hoạt động điều hành của Ban giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện các chủ trương và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đã đề ra trong kỳ đại hội.
- HĐQT tăng cường công tác giám sát ban điều hành về việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026, tình hình tiêu thụ hàng hóa, sử dụng vốn, sắp xếp bố trí nhân sự công ty, kiểm soát về chi phí giá thành, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí sản xuất, chi phí tiền lương, công tác bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ của các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ trong công ty, các công tác về việc bố trí ca sản

xuất, sắp xếp bố trí lại xưởng sản xuất, bố trí lại mặt bằng nhà xưởng, kho chứa hàng hoá, nguyên liệu sản xuất ...

- Các mặt hoạt động của công ty duy trì và phát triển và ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực, có hiệu quả hơn. Hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty ngày càng nâng lên.

Môi trường sản xuất và môi trường làm việc ngày càng cải thiện, công tác duy trì an toàn vệ sinh lao động, công tác an toàn PCCC, công tác bảo vệ môi trường được hội đồng Quản trị chú trọng giám sát, kiểm tra chặt chẽ đảm bảo an toàn trong sản xuất và phát triển bền vững theo quy định của pháp luật.

#### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà HĐQT phân công các thành viên phụ trách từng công việc để hỗ trợ cũng như kiểm soát công tác Quản trị công ty.

#### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2026):

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định        | Ngày       | Nội dung                                                                             | Tỷ lệ thông qua |
|-----|----------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | Nghị quyết số 01/2026/HĐQT - DTT | 29/01/2026 | Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm lại Ông Lê Công Nghiệp là Phó Tổng Giám Đốc Công ty | 100%            |
| 2   | Nghị quyết số 02/2026/HĐQT - DTT | 29/01/2026 | Phê duyệt giao dịch với Người có liên quan trong năm 2025                            | 100%            |
| 3   | Nghị quyết số 05/2026/HĐQT - DTT | 06/04/2026 | Triển khai các công tác liên quan để thực hiện tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2026     | 100%            |
| 4   | Nghị quyết ĐHCĐ                  | 05/06/2026 | Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2026                                                     | 100%            |
| 5   | Nghị quyết số 07/2026/HĐQT - DTT | 08/06/2026 | Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty                               | 100%            |

### III. Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán ( 6 tháng đầu năm 2026)

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán:



| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------------------|---------|------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Bà Trần Thị Thanh Hằng           | TB      | 25/4/2010                                                  | Cử nhân kế toán     |
| 2   | Bà Trần Thị Thu Thảo             | TV      | 23/4/2016                                                  | Cử nhân kế toán     |
| 3   | Lê Thị Khánh Vân                 | TV      | 07/06/2024                                                 | Trung cấp kế toán   |

## 2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán:

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Bà Trần Thị Thanh Hằng           | 2/2                 | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Bà Trần Thị Thu Thảo             | 2/2                 | 100%              | 100%             |                         |
| 3   | Lê Thị Khánh Vân                 | 2/2                 | 100%              | 100%             |                         |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- BKS kiểm tra sổ sách, phần mềm kế toán nhận xét Ban điều hành cập nhật đầy đủ, rõ ràng, ghi nhận các số liệu theo đúng quy định của công ty và các chuẩn mực kế toán. Các chứng từ thanh toán đầy đủ, hợp pháp, hợp lý.
- Các báo cáo tài chính lập đúng biểu mẫu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành. Ban điều hành cung cấp kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, chính xác, trung thực.
- HĐQT và BDH luôn tuân thủ điều lệ công ty, quy chế quản trị và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo luật định.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Luôn phối hợp thực hiện việc kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng luật doanh nghiệp, điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Trong các cuộc họp của HĐQT và BĐH đều có mời trưởng ban KS công ty tham dự để nghe phổ biến và nắm bắt tình hình hoạt động SXKD của công ty kịp thời.

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có): *Không có*

#### **IV. Ban điều hành:**

| STT | Thành viên Ban điều hành                | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|-----------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Ông Lê Công Nghiệp<br>( Tổng giám đốc ) | 25/12/1982          | Thạc sĩ CNTT        | 08/06/2026                                         |

#### **V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|-------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Nguyễn Hồng Nhung | 08/02/1982          | Cử nhân kế toán               | 02/01/2015                |

#### **VI. Đào tạo về quản trị công ty:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Hiện tại chỉ có tham gia các khoá nghiệp vụ và các cuộc họp theo thư mời của Sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán ( VSD )

#### **VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty : *Đính kèm báo cáo*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: *Không có*



3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát : *Không có*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: *Không có*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo : *Không có*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: *Không có*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác : *Không có*

#### **VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng đầu Năm 2026)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: *Đính kèm báo cáo*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: *Không có*

#### **IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**

##### Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Tp.HCM
- UBCKNN
- Sở GD&ĐT Việt Nam
- Lưu : TCNS, HĐQT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Nguyễn Băng Tâm**

**Phụ lục V**  
**Appendix V**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*  
*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**DO THANH TECHNOLOGY CORPORATION**  
-----

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**  
-----

No: 23/2026/BC-HĐQT

*Tp.HCM., month 15 Day 07 year 2026*

**REPORT**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**(The first six months of 2026)**

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

- Name of company: DO THANH TECHNOLOGY CORPORATION
- Address of headoffice: **59 - 65 Huynh Man Dat Street, An Dong Ward , Ho Chi Minh Cty**
- Telephone: 028.39236238      Fax: 028.39235360      Email: info@dothanhtech.com
- Vốn điều lệ/Charter capital: 81.518.200.000 VNĐ
- Stock symbol: DTT
- Governance model:
  - + General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
  - + General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.
- The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented: Implemented

**I. Activities of the General Meeting of Shareholders**

*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| Stt | Resolution/Decision No. | Date       | Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Resolution of the GMS   | 05/06/2026 | <p>The Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders approved the following reports and proposals:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Approved the 2025 Report on Business Performance.</li> <li>- Approved the 2026 Business Orientation &amp; Plan.</li> <li>- Approved the Summary Report on Business Performance for the 2021-2025 Term.</li> <li>- Approved the 2025 Supervisory Board's Report.</li> <li>- Approved the 2025 Audited Financial Statements.</li> <li>- Approved the Proposal on authorizing the BOD to select an independent auditing firm for the fiscal year 2026.</li> <li>- Approved the Proposal on the 2025 Profit Distribution plan and Remuneration for the BOD and the Supervisory Board in 2025.</li> <li>- Approved the Proposal on the structure and number of members of the BOD and the Supervisory Board for the 2026 - 2030 Term.</li> </ul> |

## II. Board of Directors (BOD) for the first 6 months of 2026

### 1. Information about the members of the Board of Directors:

| No. | Board of Directors' members | Position: Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)) | The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                   |
|-----|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
|     |                             |                                                                                                            | Date of appointment                                                  | Date of dismissal |
| 1   | Mr. Nguyen Bang Tam         | Member of BOD                                                                                              | 08/06/2026                                                           |                   |



|   |                      |                                               |            |            |
|---|----------------------|-----------------------------------------------|------------|------------|
|   |                      | (Chairman of the Board)                       |            |            |
| 2 | Mr. Le Quang Hiep    | Member of BOD<br>(Independent Director)       | 08/06/2026 | 05/06/2026 |
| 3 | Mr. Truong Phu Chien | Member of BOD<br>(Independent Director)       | 08/06/2026 |            |
| 4 | Mr. Le Cong Nghiep   | Member of BOD<br>(Vice Chairman of the Board) | 08/06/2026 |            |
| 5 | Mr. Ton Chuong Duong | Member of BOD<br>(Independent Director)       | 08/06/2026 |            |

## 2. Meetings of the Board of Directors:

| No. | Board of Director' member | Number of meetings attended by Board of Directors | Attendance rate | Reasons for absence |
|-----|---------------------------|---------------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 1   | Mr. Le Quang Hiep         | 3/3                                               | 100%            |                     |
| 2   | Mr. Nguyen Bang Tam       | 3/3                                               | 100%            |                     |
| 3   | Mr. Truong Phu Chien      | 3/3                                               | 100%            |                     |
| 4   | Mr. Le Cong Nghiep        | 3/3                                               | 100%            |                     |
| 5   | Mr. Ton Chuong Duong      | 3/3                                               | 100%            |                     |

## 3. Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

- The Board of Directors' supervision of the Board of Management activities is always regular and continuous. The Board of Directors focuses on monitoring compliance with corporate law, company charter, corporate governance regulations, and policy resolutions of the Board of Directors for the management activities of the Executive Board.
- Supervise the implementation of the policies and resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders set out during the congress.
- The Board of Directors enhances the supervision of the Executive Board on the implementation of the 2026 production and business plan, the situation of goods consumption, capital use, personnel arrangement, control of prices and costs, selling

costs, business management costs, production costs, salary costs, work of appointment, assignment of tasks to departments in the company, work of arrangement of production shifts, work of rearrangement of the factory and its premises, warehouse, materials for production...

- All aspects of the company's operations are maintained and developed, with more and more positive and effective changes. The efficiency in production and business activities of the company is increasingly improving.
- The production environment and working environment are increasingly improving. The work of maintaining labor safety and hygiene, fire safety, and environmental protection are particularly supervised and strictly checked by Board of Directors to ensure safety in production and sustainable development according to the law..

4. Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

Subcommittees under the Board of Directors to which the Board of Directors assigns members to be in charge of each task to support and control corporate governance

5. Resolutions/Decisions of the Board of Directors (First 6 months of 2026):

| No. | Resolution/Decision No.            | Date       | Content                                                                                                   | Approval rate |
|-----|------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Resolution No.<br>01/2026/HĐQT-DTT | 29/01/2026 | BOD Resolution on the re-appointment of Mr. Le Cong Nghiep as the Deputy General Director of the Company. | 100%          |
| 2   | Resolution No.<br>02/2026/HĐQT-DTT | 29/01/2026 | Approval of transactions with Related Parties in 2025.                                                    | 100%          |
| 3   | Resolution No.<br>05/2026/HĐQT-DTT | 06/04/2026 | Implementing relevant procedures for organizing the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.          | 100%          |
| 4   | Resolution No.<br>07/2026/HĐQT-DTT | 08/06/2026 | BOD Resolution on the appointment of the General Director of the Company.                                 | 100%          |

**III. Board of Supervisors/Audit Committee (First 6 months of 2026):**

1. Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:



| No. | Members of Board of Supervisors/<br>Audit Committee | Position      | The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/<br>Audit Committee | Qualification           |
|-----|-----------------------------------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1   | Ms. Tran Thi Thanh Hang                             | Head of BOS   | 08/06/2026                                                                                 | Bachelor of Accounting  |
| 2   | Ms. Tran Thi Thanh Thao                             | Member of BOS | 08/06/2026                                                                                 | Bachelor of Accounting  |
| 3   | Ms. Le Thi Khanh Van                                | Member of BOS | 08/06/2026                                                                                 | Intermediate Accounting |

## 2. Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

| No. | Members of Board of Supervisors/<br>Audit Committee | Number of meetings attended | Attendance rate | Voting rate | Reasons for absence |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------|---------------------|
| 1   | Ms. Tran Thi Thanh Hang                             | 2/2                         | 100%            | 100%        |                     |
| 2   | Ms. Tran Thi Thanh Thao                             | 2/2                         | 100%            | 100%        |                     |
| 3   | Ms. Le Thi Khanh Van                                | 2/2                         | 100%            | 100%        |                     |

## 3. Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:

- The Board of Supervisors checked the books and accounting software and commented that the Board of Management updated them fully and clearly, recording data in accordance with company regulations and accounting standards. Payment documents are complete, legal and reasonable.
- Financial reports are prepared in the correct form, in accordance with Vietnamese accounting standards and current regulations. The Board of Management provides timely, complete, clear, accurate and honest information.
- The Board of Directors and the Board of Management always comply with the company charter, governance regulations and resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders. Fully implement information announcement according to law.



4. *The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Always coordinate and carry out supervision of production and business operations in accordance with enterprise law, charter and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

- In meetings of the Board of Directors and Board of Management, the head of BOS is always invited to attend to hear and grasp the company's production and business activities in a timely manner.

5. *Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

#### **IV. Board of Management**

| No. | /Members of Board of Management           | Date of birth        | Qualification                    | Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management / |
|-----|-------------------------------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Mr. Le Cong Nghiep<br>(General Director)) | December 25,<br>1982 | Master of Information Technology | 08/06/2026                                                              |

#### **V. Chief Accountant**

| Name                  | Date of birth        | Qualification          | Date of appointment/ dismissal |
|-----------------------|----------------------|------------------------|--------------------------------|
| Ms. Nguyen Hong Nhung | February 08,<br>1982 | Bachelor of Accounting | 02/01/2015                     |

#### **VI. Training courses on corporate governance:**

*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Currently, we can only participate in professional courses and meetings upon invitation from the Stock Exchange and Vietnam Securities Depository (VSD)

#### **VII. The list of affiliated persons of the public company (Report for the first 6 months of 2026) and transactions of affiliated persons of the Company)**

1. *The list of affiliated persons of the Company : Attached report*

2. *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: None*

3. Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power :  
Không có

4. Transactions between the Company and other objects : None

4.1. Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting) : None

4.2. Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): None

4.3. Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers : None

**VIII. Share transactions of internal persons and their affiliated persons** (Report for the first 6 months of 2026)

1. The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: Attached report

2. Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company :  
None

## **IX. Other significant issues**

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Sign, full name and seal)



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Nguyễn Băng Tâm**

1.C.P. \* H.A.

(Kèm theo công văn số 1894 /SGDHCM-GS ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM)

**Mã chứng khoán: DTT**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**

**Ngày chốt:** 30/06/2026

[illegible]

|     |
|-----|
| Mặt |
| Mặt |



| Stt No. | Mã CK | Họ tên Name                | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp date of issue | Nơi cấp place of issue | Địa chỉ trú sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) |
|---------|-------|----------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1       | 2     | 3                          | 4                                        | 5                            | 6                                         | 7                                                | 8                       | 9                      | 10                     | 11                                    | 12                         | 13                            | 14                                                                | 15                                                                  | 16                                                        | 17                                                              |
| 2.03    |       | Đỗ Thị Trang               | 003C000139                               |                              | Vợ                                        | CCCD                                             |                         | 20/07/2021             | Cục CSHCTTXH           |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 2.04    | DTT   | Lê Công Nghiệp             | 002C003990                               | Phó CTHĐQT- tổng giám đốc    | Con                                       | CCCD                                             |                         | 01/05/2021             | Cục CSHCTTXH           |                                       | 1,000,000                  | 12.27%                        | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 3       | DTT   | Trương Phú Chiến           | 003C001647                               | TVHĐQT                       |                                           | CCCD                                             |                         | 13/11/2024             | Cục CSHCTTXH           |                                       | 90,771                     | 1.11%                         | 08/06/2026                                                        |                                                                     | Bỏ nhiệm                                                  |                                                                 |
| 3.01    | DTT   | Đại diện Công ty Cp BIBICA |                                          | TVHĐQT/                      |                                           | ĐKKD                                             |                         | 05/07/2008             |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 3.02    |       | Bùi Thị Kim Khuê           |                                          |                              | Vợ                                        | CMND                                             |                         | 25/09/1999             | CA HCM                 |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 3.03    |       | Trương Bảo Châu            |                                          |                              | Con                                       | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 3.04    |       | Trương Phú Khang           |                                          |                              | Con                                       | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 3.05    |       | Trương Thị Sỹ              |                                          |                              | Chị                                       | CMND                                             |                         | 24/11/2006             | CA Đồng Nai            |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 3.06    |       | Trương Thị Quân            |                                          |                              | Chị                                       | CMND                                             |                         | 16/04/2007             | CA Đồng Nai            |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 3.07    |       | Trương Thị Thanh           |                                          |                              | Em                                        | CMND                                             |                         | 26/11/2002             | CA Đồng Nai            |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 4       | DTT   | Lê Công Nghiệp             | 002C003990                               | Phó CTHĐQT                   |                                           | CCCD                                             |                         | 01/05/2021             | Cục CSHCTTXH           |                                       | 1,000,000                  | 12.27%                        | 08/06/2026                                                        |                                                                     | Bỏ nhiệm từ Phó TGĐ thành Tổng GD                         |                                                                 |
| 4.01    | DTT   | Lê Quang Hiệp              | 003C000180                               |                              | Cha                                       | CCCD                                             |                         | 10/07/2021             | Cục CSHCTTXH           |                                       | 1,985,817                  | 24.36%                        | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |

03E  
CỘ  
CỘ  
KỶ  
Ô T  
TP.1

| Stt No. | Mã CK | Họ tên Name         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp date of issue | Nơi cấp place of issue | Địa chỉ trú sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) |
|---------|-------|---------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1       | 2     | 3                   | 4                                        | 5                            | 6                                         | 7                                                | 8                       | 9                      | 10                     | 11                                    | 12                         | 13                            | 14                                                                | 15                                                                  | 16                                                        | 17                                                              |
| 4.02    |       | Đỗ Thị Trang        | 003C000139                               |                              | Mẹ                                        | CCCD                                             |                         | 20/07/2021             | Cục CSHCTTXH           |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 4.03    | DTT   | Ngô Ngọc Trân       | 058C812782                               |                              | Vợ                                        | CCCD                                             |                         | 30/04/2022             | Cục CSHCTTXH           |                                       | 1,000,000                  | 12.27%                        | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 4.04    |       | Lê Ngô Phúc Nguyên  |                                          |                              | Con                                       | Còn nhỏ                                          |                         |                        |                        |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | còn nhỏ chưa có CCCD                                            |
| 4.05    |       | Lê Ngô Phúc Hân     |                                          |                              | Con                                       | Còn nhỏ                                          |                         |                        |                        |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | còn nhỏ chưa có CCCD                                            |
| 4.06    |       | Lê Ngô Nhật Minh    |                                          |                              | Con                                       | Còn nhỏ                                          |                         |                        |                        |                                       |                            |                               |                                                                   |                                                                     |                                                           | còn nhỏ chưa có CCCD                                            |
| 5       | DTT   | Tôn Chương Dương    | 058C821880                               | TVHDQT                       |                                           | CCCD                                             |                         | 12/09/2015             | CAHCM                  |                                       | 188,450                    | 2.31                          | 08/06/2026                                                        |                                                                     | Bổ nhiệm                                                  |                                                                 |
| 5.01    |       | Tư Thục Phương      |                                          |                              | Vợ                                        | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 5.02    |       | Tôn Đạt Hòa         |                                          |                              | Con                                       | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 5.03    |       | Tôn Đạt Quân        |                                          |                              | Con                                       | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 5.04    |       | Tôn Đạt Toàn        |                                          |                              | Con                                       | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Không cung cấp CCCD                                             |
| 6       | DTT   | Trần Thị Thanh Hằng | 045C119999                               | Trưởng BKS                   |                                           | CCCD                                             |                         | 10/07/2021             | Cục CSQT.TTXH          |                                       | 1,000                      | 0.01%                         | 08/06/2026                                                        |                                                                     | Bổ nhiệm                                                  |                                                                 |
| 6.01    |       | Trần Bửu            |                                          |                              | Cha                                       | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Mất                                                             |
| 6.02    |       | Nguyễn Thị Xinh     |                                          |                              | Mẹ                                        | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Mất                                                             |

| Stt<br>No. | Mã CK | Họ tên Name           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có) | Mối quan<br>hệ đối<br>với công<br>ty/ người<br>đối bộ | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(*)<br>(CMND/Pas<br>sport/Giấy<br>ĐKKD) | Số Giấy NSH (*)<br>NSH No. | Ngày cấp date<br>of issue | Nơi cấp place of<br>issue | Địa chỉ trú sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu có<br>phiếu cuối<br>kỳ | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên quan<br>của công ty/<br>người nội bộ | Thời điểm<br>không<br>còn là<br>người<br>có liên<br>quan<br>của<br>công<br>ty/<br>người<br>nội bộ | Lý do (khi<br>phát sinh thay<br>đổi liên quan<br>đến mục 13<br>và 14) | Ghi chú<br>(về việc<br>không có<br>số Giấy<br>NSH và<br>các ghi<br>chú khác)<br>(**) |
|------------|-------|-----------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2     | 3                     | 4                                              | 5                                  | 6                                                     | 7                                                                | 8                          | 9                         | 10                        | 11                                       | 12                               | 13                                     | 14                                                                            | 15                                                                                                | 16                                                                    | 17                                                                                   |
| 6.03       |       | Vũ Tiến Thập          | 010C022260                                     |                                    | Chồng                                                 | CCCD                                                             |                            | 29/05/2021                | Cục<br>CSQLTXXH           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 6.04       |       | Trần Hồng<br>Ngân     |                                                |                                    | Con                                                   | CMND                                                             |                            | 17/07/2018                | Cục<br>CSQLTXXH           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 6.05       |       | Trần Thanh<br>Liêm    |                                                |                                    | Anh                                                   | CMND                                                             |                            | 23/10/2024                | Bộ công an                |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 6.06       |       | Trần Thị Thanh<br>Vân |                                                |                                    | Chị                                                   | CCCD                                                             |                            | 19/04/2021                | Cục<br>CSQLTXXH           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 7          | DTI   | Trần Thị Thu<br>Thảo  |                                                | TVBKS                              |                                                       | CCCD                                                             |                            | 10/07/2021                | Cục<br>CSQLTXXH           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 7.01       |       | Trần Văn Xuân         |                                                |                                    | Cha                                                   | Không có                                                         |                            |                           |                           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 7.02       |       | Phạm Thị Ánh          |                                                |                                    | Mẹ                                                    | Không có                                                         |                            |                           |                           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       | Mất<br>Không<br>cung cấp<br>CCCD                                                     |
| 7.03       |       | Ho vi Sùng            |                                                |                                    | Chồng                                                 | Hồ chiếu                                                         |                            | 24/08/2015                | Đài Loan                  |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 7.04       |       | Trần Tuấn Kiệt        |                                                |                                    | Con                                                   | Không có                                                         |                            |                           |                           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       | Còn nhớ<br>chưa có<br>CCCD                                                           |
| 7.05       |       | Trần Lê Thuý          |                                                |                                    | Chị                                                   | CCCD                                                             |                            | 22/11/2021                | Cục<br>CSQLTXXH           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 7.06       |       | Trần Thị Đào          |                                                |                                    | Chị                                                   | CCCD                                                             |                            | 22/11/2021                | Cục<br>CSQLTXXH           |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       |                                                                                      |
| 8          |       | Lê Thị Khánh<br>Vân   |                                                | TVBKS                              |                                                       | CCCD                                                             |                            | 25/08/2022                | Cục<br>CSQLHCTTX<br>H     |                                          |                                  |                                        | 08/06/2026                                                                    |                                                                                                   |                                                                       | Bỏ<br>nhiệm                                                                          |



| Stt No. | Mã CK | Họ tên Name          | Tai khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/Giấy ĐKKD) | Số Giấy NSH (*) NSH No. | Ngày cấp date of issue | Nơi cấp place of issue | Địa chỉ trú sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khả phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) |
|---------|-------|----------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1       | 2     | 3                    | 4                                        | 5                            | 6                                     | 7                                                | 8                       | 9                      | 10                     | 11                                    | 12                         | 13                            | 14                                                                | 15                                                                  | 16                                                        | 17                                                              |
| 8.01    |       | Lê Văn Việt          |                                          |                              | Cha                                   | Không có                                         |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | Mất                                                             |
| 8.02    |       | Phạm Thị Ngọc Lan    |                                          |                              | Mẹ                                    | CCCD                                             |                         | 10/07/2021             | Cục CSQLHCTTXH         |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 8.03    |       | Lê Phạm Duy Linh     |                                          |                              | Em                                    | CCCD                                             |                         | 25/08/2022             | Cục CSQLHCTTXH         |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 9       | DTT   | Nguyễn Hồng Nhung    |                                          | Kế toán trưởng               |                                       | CCCD                                             |                         | 11/01/2022             | Cục CSQLTTXH           |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     | Bổ nhiệm                                                  |                                                                 |
| 9.01    |       | Nguyễn Việt Tề       |                                          |                              | Cha                                   | CCCD                                             |                         | 19/05/2021             | Cục CSQLTTXH           |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 9.02    |       | Lê Thị Nhâm          |                                          |                              | Mẹ                                    | CCCD                                             |                         | 17/01/2022             | Cục CSQLTTXH           |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           |                                                                 |
| 9.03    |       | Lại Nguyễn Hà Phương |                                          |                              | Con                                   | Còn nhỏ                                          |                         |                        |                        |                                       |                            |                               | 08/06/2026                                                        |                                                                     |                                                           | còn nhỏ chưa có CCCD                                            |

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Nguyễn Bằng Tâm

**APPENDIX II**  
**LIST OF INTERNAL PEOPLE AND RELATED PEOPLE OF INTERNAL PEOPLE (INDIVIDUAL/ORGANIZATION)**  
*(Attached with official dispatch no. no 1894 /SGDHCM-GS date 16 month 12 year 2024 of Ho Chi Minh City Stock Exchange)*

**Stock Symbol**      **DTT**  
**Name of company:** **DO THANH TECHNOLOGY CORPORATION**  
**At the end**      **30/06/2026**

| No.  | Stock symbol | Name                 | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | Relationship with the company person | Type of Documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | NSH No. | Date of issue | Place of issue                                                     | Contact address | Number of shares owned at the end of the period | Percent age of shares owned at the end of the period % | The start time is for company related personnel/internal personnel | Time is no longer being a related person of the company/internal personnel | Reason(If there are any changes related to Sections 13 and 14) | Note                            |
|------|--------------|----------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1    | DTT          | Nguyen Bang Tam      | 001C501315                          | Member of the Board of Directors |                                      | Identity Card                                                     |         | 03/08/2022    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 0                                               | 0                                                      | 08/06/2026                                                         |                                                                            | Appoint                                                        |                                 |
| 1.01 |              | Ho Thi Ho            |                                     |                                  | Father                               | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        |                                                                    |                                                                            |                                                                | Father Deceased                 |
| 1.02 |              | Pham Thi To          |                                     |                                  | Mother                               | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        |                                                                    |                                                                            |                                                                | Mother Deceased                 |
| 1.03 |              | Nguyen Thi Bich Thuy |                                     |                                  | Wife                                 | Identity Card                                                     |         | 10/08/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                         |                                                                            |                                                                |                                 |
| 1.04 |              | Nguyen Bao Toan      |                                     |                                  | Child                                | Identity Card                                                     |         | 10/08/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                         |                                                                            |                                                                |                                 |
| 1.05 |              | Nguyen Bao Thi       |                                     |                                  | Child                                | Identity Card                                                     |         | 26/12/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                         |                                                                            |                                                                |                                 |
| 1.06 |              | Nguyen Thi Hao       |                                     |                                  | Sister                               | Identity Card                                                     |         | 11/02/2003    | Binh Dinh Public Security                                          |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                         |                                                                            |                                                                | Not providing a citizen ID card |

| No.  | Stock symbol | Name                                 | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any)             | Relationship with the company person | Type of Documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | NSH No.      | Date of issue | Place of issue                                                     | Contact address | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period % | The start time is for company related personnel/ internal personnel | Time is no longer being a related person of the company/ internal personnel | Reason (if there are any changes related to Sections 13 and 14) | Note                            |
|------|--------------|--------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------|---------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1    | 2            | 3                                    | 4                                   | 5                                            | 6                                    | 7                                                                 | 8            | 9             | 10                                                                 | 11              | 12                                              | 13                                                    | 14                                                                  | 15                                                                          | 16                                                              | 17                              |
| 1.07 |              | Nguyen Thi Hien                      |                                     |                                              | Sister                               | Identity Card                                                     |              | 07/11/2003    | Dong Nai Public Security                                           |                 |                                                 |                                                       | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 | Not providing a citizen ID card |
| 2    | DTT          | Le Quang Hiep                        | 003C000180                          | Chairman of the Board                        |                                      | Identity Card                                                     |              | 10/07/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 1,985,817                                       | 24.36%                                                | 08/06/2026                                                          |                                                                             | Appoint                                                         |                                 |
| 2.01 |              | Le Thanh Phung                       |                                     |                                              | Father                               | None                                                              |              |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                       |                                                                     |                                                                             |                                                                 | Father Deceased                 |
| 2.02 |              | Nguyen Thu Thai                      |                                     |                                              | Mother                               | None                                                              |              |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                       |                                                                     |                                                                             |                                                                 | Mother Deceased                 |
| 2.03 |              | Do Thi Trang                         | 003C000139                          |                                              | Wife                                 | Identity Card                                                     | 083157010907 | 20/07/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                       | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 |                                 |
| 2.04 | DTT          | Le Cong Nghiep                       | 002C003990                          | Vice Chairman of the Board- General Director | Child                                | Identity Card                                                     | 079082020569 | 01/05/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 1,000,000                                       | 12.27%                                                | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 |                                 |
| 3    | DTT          | Truong Phu Chien                     | 003C001647                          | Member of the Board of Directors             |                                      | Identity Card                                                     | 049064001371 | 13/11/2024    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 90,771                                          | 1.11%                                                 | 08/06/2026                                                          |                                                                             | Appoint                                                         |                                 |
| 3.01 | DTT          | Representative of BIBICA CORPORATION |                                     | Member of the Board of Directors             |                                      | business registration                                             | 3600363976   | 05/07/2008    |                                                                    |                 |                                                 |                                                       | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 |                                 |
| 3.02 |              | Bui Thi Kim Khue                     |                                     |                                              | Wife                                 | Identity Card                                                     | 021832021    | 25/09/1999    | Ho Chi Minh City Public Security                                   |                 |                                                 |                                                       | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 | Not providing a citizen ID card |



| No.  | Stock symbol | Name             | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | Relationship with the company person | Type of Documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | NSH No. | Date of issue | Place of issue                                                     | Contact address | Number of shares owned at the end of the period | Percent age of shares owned at the end of the period % | The start time is for company related personnel/ internal personnel | Time is no longer being a related person of the company/ internal personnel | Reason (If there are any changes related to Sections 13 and 14) | Note                            |
|------|--------------|------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1    | 2            | 3                | 4                                   | 5                                | 6                                    | 7                                                                 | 8       | 9             | 10                                                                 | 11              | 12                                              | 13                                                     | 14                                                                  | 15                                                                          | 16                                                              | 17                              |
| 3.03 |              | Truong Bao Chau  |                                     |                                  | Child                                | Identity Card                                                     |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 | Not providing a citizen ID card |
| 3.04 |              | Truong Phu Khang |                                     |                                  | Child                                | Identity Card                                                     |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 | Not providing a citizen ID card |
| 3.05 |              | Truong Thi Sy    |                                     |                                  | Sister                               | Identity Card                                                     |         | 24/11/2006    | Dong Nai Public Security                                           |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 | Not providing a citizen ID card |
| 3.06 |              | Truong Thi Quan  |                                     |                                  | Sister                               | Identity Card                                                     |         | 16/04/2007    | Dong Nai Public Security                                           |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 | Not providing a citizen ID card |
| 3.07 |              | Truong Thi Thanh |                                     |                                  | Sister                               | Identity Card                                                     |         | 26/11/2002    | Dong Nai Public Security                                           |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 | Not providing a citizen ID card |
| 4    | DTT          | Le Cong Nghiep   | 002C003990                          | Vice Chairman of the Board       |                                      | Identity Card                                                     |         | 01/05/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 1,000,000                                       | 12.27%                                                 | 08/06/2026                                                          |                                                                             | Appointed from General Director to Deputy General Director      |                                 |
| 4.01 | DTT          | Le Quang Hiep    | 003C006180                          |                                  | Father                               | Identity Card                                                     |         | 10/07/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 1,985,817                                       | 24.36%                                                 | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 |                                 |
| 4.02 |              | Do Thi Trang     | 003C000139                          |                                  | Mother                               | Identity Card                                                     |         | 20/07/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                             |                                                                 |                                 |

| No.  | Stock symbol | Name               | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | Relationship with the company person | Type of Documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | NSH No. | Date of issue | Place of issue                                                     | Contact address | Number of shares owned at the end of the period | Percent age of shares owned at the end of the period % | The start time is for company-related personnel/interpersonal personnel | Time is no longer being a related person of the company/interpersonal personnel | Reason (If there are any changes related to Sections 13 and 14) | Note                                         |
|------|--------------|--------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1    | 2            | 3                  | 4                                   | 5                                | 6                                    | 7                                                                 | 8       | 9             | 10                                                                 | 11              | 12                                              | 13                                                     | 14                                                                      | 15                                                                              | 16                                                              | 17                                           |
| 4.03 | DTT          | Ngô Ngọc Trân      | 058C812782                          |                                  | Wife                                 | Identity Card                                                     |         | 30/04/2022    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 1,000,000                                       | 12.27%                                                 | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 |                                              |
| 4.04 |              | Le Ngo Phuc Nguyen |                                     |                                  | Child                                | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        |                                                                         |                                                                                 |                                                                 | The children does not have a citizen ID card |
| 4.05 |              | Le Ngo Phuc Han    |                                     |                                  | Child                                | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        |                                                                         |                                                                                 |                                                                 | The children does not have a citizen ID card |
| 4.06 |              | Le Ngo Nhat Minh   |                                     |                                  | Child                                | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        |                                                                         |                                                                                 |                                                                 | The children does not have a citizen ID card |
| 5    | DTT          | Ton Chuong Duong   | 058C821880                          | Member of the Board of Directors |                                      | Identity Card                                                     |         | 12/09/2015    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 188,450                                         | 2.31                                                   | 08/06/2026                                                              |                                                                                 | Appoint                                                         |                                              |
| 5.01 |              | Tu Thuc Phuong     |                                     |                                  | Wife                                 | Identity Card                                                     |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 | Not providing a citizen ID card              |
| 5.02 |              | Ton Dat Hoa        |                                     |                                  | Child                                | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 | Not providing a citizen ID card              |

| No.  | Stock symbol | Name                | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | Relationship with the company person | Type of Documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | NSH No. | Date of issue | Place of issue                                                     | Contact address | Number of shares owned at the end of the period | Percent age of shares owned at the end of the period % | The start time is for company related personnel/inter nal personnel | Time is no longer being a related person of the company/inter nal person nel | Reason (If there are any changes related to Sections 13 and 14) | Note                            |
|------|--------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 1    | 2            | 3                   | 4                                   | 5                                | 6                                    | 7                                                                 | 8       | 9             | 10                                                                 | 11              | 12                                              | 13                                                     | 14                                                                  | 15                                                                           | 16                                                              | 17                              |
| 5.03 |              | Ton Dat Quan        |                                     |                                  | Child                                | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                              |                                                                 | Not providing a citizen ID card |
| 5.04 |              | Ton Dat Toan        |                                     |                                  | Child                                | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                              |                                                                 | Not providing a citizen ID card |
| 6    | DTT          | Tran Thi Thanh Hanh | 045C119999                          | Head of BOS                      |                                      | Identity Card                                                     |         | 10/07/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 | 1,000                                           | 0.01%                                                  | 08/06/2026                                                          |                                                                              | Appoint                                                         |                                 |
| 6.01 |              | Tran Bau            |                                     |                                  | Father                               | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                              |                                                                 | Father Deceased                 |
| 6.02 |              | Nguyen Thi Xinh     |                                     |                                  | Mother                               | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                              |                                                                 | Mother Deceased                 |
| 6.03 |              | Vu Tien Thap        | 010C022260                          |                                  | Husband                              | Identity Card                                                     |         | 29/05/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                              |                                                                 |                                 |
| 6.04 |              | Tran Hong Ngan      |                                     |                                  | Child                                | Identity Card                                                     |         | 17/12/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                              |                                                                 |                                 |
| 6.05 |              | Tran Thanh Liem     |                                     |                                  | Brother                              | Identity Card                                                     |         | 23/10/2024    | Ministry of Public Security                                        |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                              |                                                                 |                                 |
| 6.06 |              | Tran Thi Thanh Van  |                                     |                                  | Sister                               | Identity Card                                                     |         | 19/04/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                          |                                                                              |                                                                 |                                 |



| No.  | Stock symbol | Name              | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | Relationship with the company person | Type of Documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | NSH No. | Date of issue | Place of issue                                                     | Contact address | Number of shares owned at the end of the period | Percent age of shares owned at the end of the period % | The start time is for company related personnel/interpersonal personnel | Time is no longer being a related person of the company/interpersonal personnel | Reason (If there are any changes related to Sections 13 and 14) | Note                                         |
|------|--------------|-------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1    | 2            | 3                 | 4                                   | 5                                | 6                                    | 7                                                                 | 8       | 9             | 10                                                                 | 11              | 12                                              | 13                                                     | 14                                                                      | 15                                                                              | 16                                                              | 17                                           |
| 7    | DTT          | Tran Thi Thu Thao |                                     | Member of BOS                    |                                      | Identity Card                                                     |         | 10/07/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 | Appoint                                                         |                                              |
| 7.01 |              | Tran Van Xuan     |                                     |                                  | Father                               | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 | Father Deceased                              |
| 7.02 |              | Pham Thi Anh      |                                     |                                  | Mother                               | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 | Not providing a citizen ID card              |
| 7.03 |              | Ho vi Sing        |                                     |                                  | Husband                              | Passport                                                          |         | 24/08/2015    | Taiwan                                                             |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 |                                              |
| 7.04 |              | Tran Tuan Kiet    |                                     |                                  | Child                                | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 | The children does not have a citizen ID card |
| 7.05 |              | Tran Le Thuy      |                                     |                                  | Sister                               | Identity Card                                                     |         | 22/11/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 |                                              |
| 7.06 |              | Tran Thi Dao      |                                     |                                  | Sister                               | Identity Card                                                     |         | 22/11/2021    | Department on Administrative Management of Social Order            |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 |                                              |
| 8    |              | Le Thi Khanh Van  |                                     | Member of BOS                    |                                      | Identity Card                                                     |         | 25/08/2022    | Department on Administrative Management of Social Order            |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 | Appoint                                                         |                                              |
| 8.01 |              | Le Van Viet       |                                     |                                  | Father                               | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                              |                                                                                 |                                                                 | Father Deceased                              |

| No.  | Stock symbol | Name                 | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | Relationship with the company person | Type of Documents (ID/Passport/Business Registration Certificate) | NSH No. | Date of issue | Place of issue                                                     | Contact address | Number of shares owned at the end of the period | Percent age of shares owned at the end of the period % | The start time is for company related personnel/interim personnel | Time is no longer being a related person of the company/interim personnel | Reason (if there are any changes related to Sections 13 and 14) | Note                                         |
|------|--------------|----------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1    | 2            | 3                    | 4                                   | 5                                | 6                                    | 7                                                                 | 8       | 9             | 10                                                                 | 11              | 12                                              | 13                                                     | 14                                                                | 15                                                                        | 16                                                              | 17                                           |
| 8.02 |              | Pham Thi Ngoc Lan    |                                     |                                  | Mother                               | Identity Card                                                     |         | 10/07/2021    | Department on Administrative Management of Social Order            |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                        |                                                                           |                                                                 |                                              |
| 8.03 |              | Le Pham Duy Linh     |                                     |                                  | Brother                              | Identity Card                                                     |         | 25/08/2022    | Department on Administrative Management of Social Order            |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                        |                                                                           |                                                                 |                                              |
| 9    | DTT          | Nguyen Hong Nhung    |                                     | Chief Accountant                 |                                      | Identity Card                                                     |         | 11/01/2022    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                        |                                                                           | Appoint                                                         |                                              |
| 9.01 |              | Nguyen Viet Te       |                                     |                                  | Father                               | Identity Card                                                     |         | 19/05/2021    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                        |                                                                           |                                                                 |                                              |
| 9.02 |              | Le Thi Nham          |                                     |                                  | Mother                               | Identity Card                                                     |         | 17/01/2022    | The Police Department on Administrative Management of Social Order |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                        |                                                                           |                                                                 |                                              |
| 9.03 |              | Lai Nguyen Ha Phuong |                                     |                                  | Child                                | None                                                              |         |               |                                                                    |                 |                                                 |                                                        | 08/06/2026                                                        |                                                                           |                                                                 | The children does not have a citizen ID card |

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Nguyễn Băng Tâm